TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 521/2026/HS-ST
Ngày: 15/4/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo

2. Bà Võ Thị Gái

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 92/2026/HSST ngày 23/01/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 316/2026/QĐXXST-HS ngày 05/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1733/2026/QĐST-HS ngày 23/3/2026, đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Tô Khánh T**; Sinh năm 2002 tại tỉnh Khánh Hòa; CCCD số ***; Nơi thường trú: X X, phường X, thành phố X (nay là phường X), tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: Căn hộ X Tòa X Dự án khu dân cư và Công viên X, X X, Khu phố X, phường X, thành phố X (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Tô Quốc K và bà Trần Thị Kim N; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/12/2024 đến nay.

2. Họ tên: **Trần Minh Q**; Sinh năm 2006 tại tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk); CCCD số ***; Nơi thường trú: Thôn X, xã X, huyện X, tỉnh Phú Yên (nay là xã X, tỉnh Đắk Lắk); Nơi cư trú: Căn hộ X Tòa X Dự án khu dân cư và Công viên X, X X, Khu phố X, phường X, thành phố X (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ học vấn: 11/12; con ông Trần Ngọc Â và bà Trần Thị M; Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không có

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/12/2024 đến nay.

3. Họ tên: **Lê Văn H1**; Sinh năm 2001 tại: Tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk); CCCD số ***; Nơi thường trú: Thôn X, xã X, huyện X, tỉnh Phú Yên (nay là xã X, tỉnh Đắk Lắk); Nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; con ông Lê Văn M và bà Hà Thị G; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không có

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/12/2024 đến nay.

4. Họ tên: **Võ Ngọc K;** Sinh năm 2005 tại Tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk); CCCD số ***; Nơi thường trú: Thôn X, xã X, huyện X, tỉnh Phú Yên (nay là xã X, tỉnh Đắk Lắk); Nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Phụ bếp; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Võ Bá K và bà Nguyễn Thị Hồng Y; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/12/2024 đến nay.

5. Họ tên: **Nguyễn Tuấn A**; Sinh năm 2006 tại tỉnh Phú Yên; CCCD số ***; Nơi thường trú: Thôn X, xã X, huyện X, tỉnh Phú Yên (nay là xã X, tỉnh Đắk Lắk); Nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H4; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không có

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/12/2024 đến nay.

6. Họ tên: **Võ Thị Thanh H2**; Sinh năm 2005 tại tỉnh An Giang; CCCD số ***; Nơi thường trú: số nhà X, Tổ X, ấp X, xã X, huyện X (nay là xã X), tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nhân viên; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Võ Ngọc T và bà Bùi Thị Thúy A; Chồng, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không có

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/12/2024 đến nay.

7. Họ tên: **Nguyễn Văn H3**; Sinh năm 2002 tại tỉnh Bắc Ninh; Nơi thường trú: Thôn X, xã X, huyện X (nay là xã X), tỉnh Bắc Ninh; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Phụ bếp; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Nguyễn Văn B và bà Bùi Thị M; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không có

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/12/2024 đến nay.

(các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 03/11/2024, Công an phường X, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh) kiểm tra hành chính nhà căn hộ X, Tầng X, Tòa X, Khu dân cư và Công viên X, phường X, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh). Thời điểm kiểm tra trong căn hộ có Trần Minh Q, Võ Ngọc K, Nguyễn Tuấn A, Lê Văn H1, Võ Thị Thanh H2, do không có đăng ký lưu trú nên đưa tất cả về trụ sở Công an phường X để làm việc. Sau đó, Tô Khánh T là người thuê căn hộ X, Tầng X, Tòa X, Khu dân cư và Công viên X chủ động đến Công an phường X làm việc. Tại Cơ quan Công an, các đối tượng khai nhận đã sử dụng ma túy tại căn hộ trên vào đêm ngày 01/11/2024.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Tô Khánh T tại căn hộ X, Tầng X, Tòa X, Cơ quan điều tra thu giữ: 01 gói nylon bên trong có 03 viên nén; 03 gói nylon chứa tinh thể không màu; 01 gói nylon chứa 04 viên nén; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 loa màu xanh có chữ harman/kardon; 01 máy chiếu màu trắng có gắn USB màu đen; 01 đèn chiếu màu đen; 01 đĩa sứ có in chữ "BỘ CÔNG AN"; 01 thẻ nhựa có in chữ "BỘ CÔNG AN" và 01 ống hút bằng kim loại. T khai mua ma túy của Nguyễn Văn H3.

Tiến hành truy xét nguồn gốc ma túy đã mua để sử dụng, ngày 06/11/2024, Cơ quan điều tra đã phát hiện Nguyễn Văn H3 đang đứng tại sảnh Tòa X, Khu dân cư và Công viên X, tiến hành kiểm tra phát hiện trong người của H3 đang cất giấu 01 gói nylon chứa 09 viên nén, 01 gói nylon chứa 03 viên nén và 05 gói nylon chứa tinh thể. H3 khai nhận là ma túy, H3 mua của một người tên Đạt "không rõ nhân thân, lai lịch" về bán lại để kiếm lời. Do có người đặt mua nên H3 đi giao ma túy.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn H3 tại địa chỉ X đường X, Khu dân cư X, phường X, thành phố X, tỉnh Bình Dương (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh) không thu giữ được gì.

Tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, kết quả: Tô Khánh T, Trần Minh Q, Lê Văn H1, Nguyễn Tuấn A, Võ Ngọc K, Võ Thị Thanh H2, Nguyễn Văn H3 dương tính với Methamphetamine, Ketamine và MDMA.

Tại Cơ quan điều tra, Tô Khánh T khai thuê Căn hộ X, Tầng X, Tòa X, Khu dân cư và Công viên X (Căn hộ X), phường X, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh) từ tháng 9/2024 với giá 9.000.000 đồng/tháng. Trần Minh Q (em họ của T) đến ở cùng, T mua thiết bị âm thanh, ánh sáng và dụng cụ sử dụng ma túy (đĩa sứ, thẻ nhựa, ống hút kim loại) phục vụ việc sử dụng ma túy.

Trong khoảng thời gian từ ngày 30/10/2024 đến ngày 03/11/2024, Tô Khánh T, Trần Minh Q, Lê Văn H1, Nguyễn Tuấn A, Võ Ngọc K, Võ Thị Thanh H2 đã cùng nhau góp tiền để mua ma túy của Nguyễn Văn H3 về sử dụng tại Căn hộ X, cụ thể:

Lần thứ nhất: Đêm ngày 30/10/2024, Lê Văn H1, Nguyễn Tuấn A, Võ Thị Thanh H2 (bạn cùng quê của Q) đến Căn hộ X chơi và tổ chức ăn nhậu cùng Q và T. Sau đó, cả nhóm có nhu cầu sử dụng ma túy nên thống nhất góp tiền mua ma túy về sử dụng, trong đó H1, A, T mỗi người góp 800.000 đồng, phần còn lại Q và H2 trả. H2 dùng tài khoản Zalo "H2" của H2 gọi điện thoại qua ứng dụng Zalo tài khoản "Nguyễn Văn H3" cho Nguyễn Văn H3 đặt mua 01 hộp 5 Ketamine (số tiền 3.800.000 đồng) và 05 viên thuốc lắc (số tiền 1.250.000 đồng), cộng với 200.000 đồng tiền ship. Tổng số tiền mua ma túy và tiền ship là 5.250.000 đồng. H2 nói Q chuyển khoản cho H3. Q sử dụng số tài khoản ***, Ngân hàng VPB, tên tài khoản "TRAN MINH Q" chuyển vào tài khoản số ***, tên tài khoản NGUYEN VAN H3, Ngân hàng MB Bank số tiền 5.250.000 đồng. H2 cho H3 địa chỉ nhận ma túy là trước sảnh Tòa chung cư X, Khu dân cư và Công viên X, số X X, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh. H3 bắt Grab Car đến địa chỉ trên giao ma túy cho H2. Nhận được ma túy, H2 mang lên Căn hộ X nhưng do cả nhóm đã nhậu say, không ai sử dụng nên H2 cất số ma túy này.

Sáng ngày 01/11/2024, Võ Ngọc K (bạn cùng quê với Q) đến Căn hộ X, Tầng X, Tòa X, phường X, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh xin Q ở nhờ vài ngày để chờ xin việc. Đến tối cùng ngày, Q rủ cả nhóm chơi ma túy, gồm: K, H2, T, H1, A và Q, thì cả nhóm đồng ý. Q nói K góp số tiền 800.000 đồng để cùng sử dụng ma túy, do ma túy đã mua ngày 30/10/2024 và mọi người đã góp tiền trước đó rồi, thì K đồng ý. H1 là người lấy đĩa sứ có sẵn ống hút và thẻ nhựa được để trên kệ gỗ ngay cửa ra vào. Cả nhóm ngồi trên giường thành vòng tròn, H2 dùng hộp quẹt đốt nóng phần đáy đĩa sứ rồi đổ ma túy Khay (Ketamine) vào đĩa và dùng thẻ nhựa nghiền ma túy Khay ra và kẻ thành 12 đường ma túy. H2 đưa cho T hút trước, mỗi người hút xoay vòng, mỗi người hút 02 đường kẻ ma túy Khay, còn ma túy thuốc lắc thì được H2 bẻ nhỏ để trên đĩa, mỗi người tự lấy uống. Trong quá trình sử dụng ma túy thì T và A là người chỉnh nhạc để cả nhóm cùng chơi ma túy. Cả nhóm đã sử dụng hết số ma túy mua ngày 30/10/2024.

Lần thứ hai: Vào khoảng 22 giờ, ngày 01/11/2024, sau khi sử dụng hết số ma túy đã mua trước đó, cả nhóm, gồm: H2, Q, A, H1, K và T thống nhất mỗi người góp 800.000 đồng để tiếp tục mua 01 hộp 5 (ketamine) và 05 viên kẹo (thuốc lắc) với giá 5.250.000 đồng về sử dụng. T là người ứng trước số tiền 5.250.000 đồng để mua ma túy. H2 gọi cho H3 đặt ma túy. H2 cho số tài khoản ***, tên NGUYEN VAN H3, Ngân hàng MB Bank để T chuyển tiền cho H3. H2 là người xuống sảnh Tòa X để nhận ma túy của H3 rồi mang lên chia cho mỗi người tiếp tục sử dụng hết số ma túy đã mua. Như lần trước, T và A cũng là người chỉnh nhạc để cả nhóm cùng chơi ma túy.

Lần thứ ba: Khoảng 19 giờ ngày 03/11/2024, T ngồi chơi cùng Q, K, A và

H1 thì H1 nói với mọi người mua ma túy về sử dụng, do ngày mai K về lại X, nên cả nhóm thống nhất góp tiền mua ma túy về sử dụng. Mỗi người góp 1.510.000 đồng (tổng số tiền 7.550.000 đồng) mua ma túy Ketamine và 07 viên thuốc lắc (mỗi người 01 viên và T lấy thêm 01 viên thuốc lắc cho bạn gái sử dụng. T bao phần ma túy cho bạn gái). Q là người ứng tiền trước để mua ma túy, khi nào chơi xong thì mỗi người sẽ góp trả lại cho Q. H2 gọi điện thoại cho H3 hỏi mua số lượng ma túy trên thì được H3 báo giá tổng cộng số tiền 7.550.000 đồng. H1 góp mua ma túy số tiền 5.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản của Q. H2 nói Q chuyển số tiền 7.550.000 đồng vào tài khoản của H3, Ngân hàng MB Bank số tiền 7.550.000 đồng. Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 03/11/2024, H2 nói Q đi cùng xuống sảnh Tòa X lấy ma túy của người đàn ông đứng chờ sẵn (không rõ đặc điểm nhận dạng) và quay trở lại Căn hộ X, H2 để gói ma túy trên bàn ở phòng khách (có Q, H1, K, A nhìn thấy). Đến khoảng 22 giờ, ngày 03/11/2024, Công an phường đến kiểm tra và đưa tất cả người có mặt trong căn hộ về trụ sở Công an làm việc. Sau khi thỏa thuận xong việc mua ma túy về sử dụng thì T đi đón bạn gái, đến khi T quay về căn hộ thì biết được cả nhóm đã bị Công an đưa về làm việc vì có liên quan đến ma túy thì T tự đến Công an phường và khai báo toàn bộ sự việc.

Quá trình điều tra, Tô Khánh T, Trần Minh Q, Lê Văn H1, Nguyễn Tuấn A, Võ Ngọc K, Võ Thị Thanh H2, Nguyễn Văn H3 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. (bút lục 202-277; 278-343; 344-379).

Kết luận giám định số: 13287/KL-KTHS ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: 01 gói được niêm phong có chữ ký ghi tên Lê Văn H1 và hình dấu Công an phường X, thành phố X (cũ), bên trong có: 03 viên nén (ký hiệu mẫu m1) đều là ma túy ở thể rắn có tổng khối lượng 1,6453g, loại MDMA; 03 gói nylon chứa tinh thể không màu (ký hiệu mẫu m2) đều là ma túy ở thể rắn có tổng khối lượng 5,1043g, loại Ketamine; 01 gói nylon chứa 04 viên nén (ký hiệu mẫu m3) đều là ma túy ở thể rắn có tổng khối lượng 2,1353g (hai phẩy một ba năm ba gam), loại MDMA. (BL 229)

Kết luận giám định số: 13348/KL-KTHS ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, đối với: 01 gói được niêm phong có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn H3 và hình dấu Công an phường X, thành phố X, bên trong có: 01 gói nylon chứa 09 viên nén màu đen (ký hiệu mẫu m1) đều là ma túy ở thể rắn có tổng khối lượng 4,8147g (bốn phẩy tám một bốn bảy gam) loại MDMA; 01 gói nylon chứa: 03 viên nén màu đen (ký hiệu mẫu m2) đều là ma túy ở thể rắn có tổng khối lượng 1,6386g (một phẩy sáu ba tám sáu gam), loại MDMA; 02 gói nylon chứa tinh thể không màu (ký hiệu mẫu m3) đều là ma túy ở thể rắn có tổng khối lượng 3,7629g (ba phẩy bảy sáu hai chín gam), loại Ketamine; 03 gói nylon chứa tinh thể không màu (ký hiệu mẫu m4) đều là ma túy ở thể rắn có tổng khối lượng 5,5412g (năm phẩy năm bốn một hai gam), loại Ketamine. (BL 233)

*** Thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:**

- 01 gói nylon bên trong có: 03 viên nén, 03 gói nylon chứa tinh thể không màu, 01 gói nylon chứa 04 viên nén (qua khám xét thu giữ);

- 01 (một) đĩa sứ màu trắng (qua khám xét thu giữ);

- 01 (một) loa màu xanh có chữ harman/kardon (qua khám xét thu giữ);

- 01 máy chiếu màu trắng có gắn USB màu đen (qua khám xét thu giữ);

- 01 đèn chiếu màu đen (qua khám xét thu giữ);

- 01 (một) đĩa sứ có in chữ "BỘ CÔNG AN", 01 (một) thẻ nhựa có in chữ "BỘ CÔNG AN" và 01 (một) ống hút bằng kim loại (qua khám xét thu giữ);

- 01 túi nylon màu trắng bên trong có: 01 gói nylon chứa 09 viên nén màu đen; 01 gói nylon chứa 03 viên nén màu đen, 02 gói nylon chứa tinh thể không màu; 03 gói nylon chứa tinh thể không màu (thu giữ của Nguyễn Văn H3);

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 màu vàng, số thuê bao: *** (điện thoại của Nguyễn Văn H3 đã qua sử dụng);

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Pro max đã qua sử dụng (điện thoại của Trần Minh Q);

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max đã qua sử dụng (điện thoại của Võ Ngọc K);

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max đã qua sử dụng, 01 điện thoại Iphone 8 Plus đã qua sử dụng (điện thoại của Nguyễn Tuấn A);

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max đã qua sử dụng (điện thoại của Lê Văn H1);

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro Max đã qua sử dụng (điện thoại của Tô Khánh T);

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax (điện thoại của Võ Thị Thanh H2);

Bản Cáo trạng số 426/CT-VKSKV2 ngày 21/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo như sau:

- Truy tố các bị cáo Tô Khánh T, Trần Minh Q, Lê Văn H1, Nguyễn Tuấn A, Võ Ngọc K, Võ Thị Thanh H2 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 và điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Truy tố bị cáo Nguyễn Văn H3 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng đã nêu. Các bị cáo

đồng ý với các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng và không khiếu nại hay có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về hành vi, tội danh, khung hình phạt, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Tô Khánh T, Trần Minh Q, Lê Văn H1, Nguyễn Tuấn A, Võ Ngọc K, Võ Thị Thanh H2 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H3 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt các bị cáo Tô Khánh T, Trần Minh Q, Lê Văn H1, Nguyễn Tuấn A, Võ Ngọc K, Võ Thị Thanh H2 từ 06 năm đến 07 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 10 năm đến 11 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Tổng hợp chung hình phạt của hai tội là từ 16 năm đến 18 năm tù.

- Áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H3 từ 12 năm đến 13 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Về hình phạt bổ sung: không đề nghị.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 gói nylon bên trong có: 03 viên nén, 03 gói nylon chứa tinh thể không màu, 01 gói nylon chứa 04 viên nén); 01 (một) đĩa sứ màu trắng; 01 (một) đĩa sứ có in chữ "BỘ CÔNG AN", 01 (một) thẻ nhựa có in chữ "BỘ CÔNG AN" và 01 (một) ống hút bằng kim loại; 01 túi nylon màu trắng bên trong có: 01 gói nylon chứa 09 viên nén màu đen; 01 gói nylon chứa 03 viên nén màu đen, 02 gói nylon chứa tinh thể không màu; 03 gói nylon chứa tinh thể không màu;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) loa màu xanh có chữ harman/kardon; 01 máy chiếu màu trắng có gắn USB màu đen; 01 đèn chiếu màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 màu vàng, số thuê bao: *** (điện thoại của Nguyễn Văn H3 đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Pro max đã qua sử dụng (điện thoại của Trần Minh Q); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max đã qua sử dụng (điện thoại của Lê Văn H1); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax (điện thoại của Võ Thị Thanh H2); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro Max đã qua sử dụng (điện thoại của Tô Khánh T);

- Trả cho các bị cáo Võ Ngọc K 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max đã qua sử dụng; Nguyễn Tuấn A 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max đã qua sử dụng, 01 điện thoại Iphone 8 Plus đã qua sử dụng;

Biện pháp tư pháp: Buộc Nguyễn Văn H3 nộp số tiền 18.050.000 đồng và sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Các bị cáo không bào chữa, tranh luận và nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội làm công dân tốt cho xã hội, làm ăn chăm sóc cho các con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng đã nêu, lời khai của các bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian gian từ ngày 30/10/2004 đến ngày 03/11/2024, Tô Khánh T, Trần Minh Q, Lê Văn H1, Nguyễn Tuấn A, Võ Ngọc K, Võ Thị Thanh H2 đã 03 lần cùng nhau góp tiền mua ma túy của Nguyễn Văn H3 về tổ chức sử dụng tại Căn hộ X, Tầng X, Tòa X, Khu dân cư và Cống viên X (Căn hộ X), phường X, thành phố X (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh, cụ the:

Lần thứ nhất: Đêm ngày 30/10/2024, Lê Văn H1, Nguyễn Tuấn A, Võ Ngọc K, Tô Khánh T mỗi người góp số tiền 800.000 đồng; Vũ Thị Thanh H2 và Trần Minh Q mỗi người góp số tiền 1.025.000 đồng. Tổng số tiền góp được là 5.250.000 đồng, H2 dùng tài khoản Zalo "H2" của H2 gọi điện thoại qua ứng dụng Zalo tài khoản “Nguyễn Văn H3” của Nguyễn Văn H3 đặt mua 01 hộp 5 Ketamine và 05 viên thuốc lắc (MDMA) để cả nhóm cùng nhau sử dụng vào đêm ngày 01/11/2024.

Lần thứ hai: Vào khoảng 22 giờ, ngày 01/11/2024, sau khi sử dụng hết số ma túy đã mua trước đó, cả nhóm, gồm: H2, Q, A, H1, K thống nhất góp mỗi

người số tiền 800.000 đồng, còn lại bao nhiêu T trả. Số tiền góp là 5.250.000 đồng. T là người đứng ra trả trước. Hume gọi cho H3 đặt mua 01 hộp 5 (ketamine) và 05 viên thuốc lắc (MDMA) H2 nhận ma túy của H3 rồi mang lên chúa cho mỗi người tiếp tục sử dụng hết số ma túy đã mua.

Lần thứ ba: Khoảng 19 giờ ngày 03/11/2024, T, Q, K, A, H2 và H1 thống nhất góp số tiền 7.550.000 đồng mua ma túy Ketamine và thuốc lắc về Căn hộ X sử dụng. H2 gọi điện thoại cho H3 đặt mua 07 viên ma túy thuốc lắc (MDMA), tổng khối lượng 3,7806 gam và 03 gói ma túy loại Ketamine, tổng khối lượng 5,1043 gam. Sau khi mua ma túy của H3, cả nhóm chưa sử dụng thì Cơ quan Công an phát hiện thu giữ.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định 19/2018 ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015, theo đó: Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của MDMA so với mức tối thiểu được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự là 75,612% (3,7806 gam so với 05 gam); Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Ketamine so với mức tối thiểu được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự là 25,521% (5,1043 gam so với 20 gam). Cộng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của MDMA và Ketamine lại với nhau để xác định tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của cả 02 chất ma túy là: 75,612% + 25,521% = 101,133% (thuộc trường hợp trên 100%); Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định 19/2018 ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015, theo đó: Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của MDMA so với mức tối thiểu được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự là 12,35% (3,7806 gam so với 30 gam); Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Ketamine so với mức tối thiểu được quy định tại điểm e khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự là 5,1%% (5,1043 gam so với 100 gam). Cộng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của MDMA và Ketamine lại với nhau để xác định tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của cả 02 chất ma túy là: 12,35% + 5,1%% = 17,45% (thuộc trường hợp dưới 100%); Vì tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của MDMA và Ketamine so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự là trên 100% và so với khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự là dưới 100% nên tổng khối lượng của 02 chất trên thuộc trường hợp quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với Nguyễn Văn H3, ngoài 03 lần bán ma túy cho Võ Thị Thanh H2 thì ngày 06/11/2024, Cơ quan điều tra phát hiện H3 đang tàng trữ số lượng 12 viên ma túy loại MDMA, tổng khối lượng 6,4533 gam; 05 gói ma túy loại Ketamine, tổng khối lượng 9,3041 gam để bán cho người khác.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định 19/2018 ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015, theo đó: Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của MDMA so với mức tối thiểu được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là 21,511% (6,4533 gam so với 30 gam); Tỷ lệ phần trăm về khối lượng

của Ketamine so với mức tối thiểu được quy định tại điểm e khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là 9,3041% (9,3041 gam so với 100 gam). Cộng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của MDMA và Ketamine lại với nhau để xác định tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của cả 02 chất ma túy là 30,8151% (thuộc trường hợp dưới 100%). Vì tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của MDMA và Ketamine so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là dưới 100% nên tổng khối lượng của 02 chất trên thuộc trường hợp quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của các bị cáo Tô Khánh T, Trần Minh Q, Lê Văn H1, Nguyễn Tuấn A, Võ Ngọc K, Võ Thị Thanh H2 đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điều 249 và Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H3 đã đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cáo trạng số 426/CT-VKSKV2 ngày 21/01/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với người tên Đạt "không rõ nhân thân, lai lịch" Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung tăng nặng hình phạt:

Đối với các bị cáo Tô Khánh T, Trần Minh Q, Lê Văn H1, Nguyễn Tuấn A, Võ Ngọc K, Võ Thị Thanh H2: các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy có tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của MDMA và Ketamine so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự là trên 100% nên tổng khối lượng của 02 chất trên thuộc trường hợp quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" 03 lần và cho 06 người nên thuộc tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H3: bị cáo thực hiện hành vi phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" cho bị cáo H2 03 lần và tàng trữ khối lượng ma túy để bán có tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của MDMA và Ketamine so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là dưới 100% nên thuộc tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối

với các bị cáo:

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải nên áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo..

[5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hình phạt đối với các bị cáo:

Hội đồng xét xử đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, tàng trữ các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, làm tiền đề phát sinh nhiều tội phạm, tệ nạn xấu trong xã hội. Do đó, cần phải có mức án tương xứng, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục các bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong toàn xã hội. Trong vụ án các bị cáo là đồng phạm giản đơn trong việc tàng trữ và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét về mức độ tham gia, số lần thực hiện hành vi của các bị cáo, các tình tiết định khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt đối với từng bị cáo cụ thể.

Xét các bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định nên không phải phạt bổ sung theo quy định tại các Điều 249, 251 và Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 gói nylon bên trong có: 03 viên nén, 03 gói nylon chứa tinh thể không màu, 01 gói nylon chứa 04 viên nén); 01 (một) đĩa sứ màu trắng; 01 (một) đĩa sứ có in chữ "BỘ CÔNG AN", 01 (một) thẻ nhựa có in chữ "BỘ CÔNG AN" và 01 (một) ống hút bằng kim loại; 01 túi nylon màu trắng bên trong có: 01 gói nylon chứa 09 viên nén màu đen; 01 gói nylon chứa 03 viên nén màu đen, 02 gói nylon chứa tinh thể không màu; 03 gói nylon chứa tinh thể không màu là các vật chứng liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo, là chất cấm theo quy định của Nhà nước hoặc không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy;

- Đối với 01 (một) loa màu xanh có chữ harman/kardon; 01 máy chiếu màu trắng có gắn USB màu đen; 01 đèn chiếu màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 màu vàng, số thuê bao: *** (điện thoại của Nguyễn Văn H3 đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Pro max đã qua sử dụng (điện thoại của Trần Minh Q); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max đã qua sử dụng (điện thoại của Lê Văn H1); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax (điện thoại của Võ Thị Thanh H2); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro Max đã qua sử dụng (điện thoại của Tô Khánh T) là các vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo phục vụ cho việc tổ chức sử dụng trái phép chất

ma túy, tạo hưng phấn, liên lạc mua ma túy, chuyển tiền… nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max đã qua sử dụng cầu Võ Ngọc K; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max đã qua sử dụng, 01 điện thoại Iphone 8 Plus đã qua sử dụng của Nguyễn Tuấn A không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên trả lại cho các bị cáo;

[7] Biện pháp tư pháp: Nguyễn Văn H3 bán ma túy trái phép cho Võ Thị Thanh H2 với tổng số tiền 18.050.000 đồng nên cần buộc Nguyễn Văn H3 nộp lại và sung quỹ Nhà nước.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật, hành vi phạm tội của bị cáo nên được chấp nhận toàn bộ.

[9] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Căn cứ Điều 249 và Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố các bị cáo **Tô Khánh T, Trần Minh Q, Lê Văn H1, Nguyễn Tuấn A, Võ Ngọc K, Võ Thị Thanh H2** phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Căn cứ Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn H3** phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt các bị cáo **Tô Khánh T, Trần Minh Q, Lê Văn H1, Nguyễn Tuấn A, Võ Ngọc K, Võ Thị Thanh H2** mỗi bị cáo 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 10 (mười) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Mỗi bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội nêu trên là 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/12/2024.

Áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt các bị cáo **Nguyễn Văn H3** 12 (mười hai) năm tù về tội "Mua bán

trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 04/12/2024.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Tịch thu tiêu hủy 01 gói nylon bên trong có: 03 viên nén, 03 gói nylon chứa tinh thể không màu, 01 gói nylon chứa 04 viên nén); 01 (một) đĩa sứ màu trắng; 01 (một) đĩa sứ có in chữ "BỘ CÔNG AN", 01 (một) thẻ nhựa có in chữ "BỘ CÔNG AN" và 01 (một) ống hút bằng kim loại; 01 túi nylon màu trắng bên trong có: 01 gói nylon chứa 09 viên nén màu đen; 01 gói nylon chứa 03 viên nén màu đen, 02 gói nylon chứa tinh thể không màu; 03 gói nylon chứa tinh thể không màu;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) loa màu xanh có chữ harman/kardon; 01 máy chiếu màu trắng có gắn USB màu đen; 01 đèn chiếu màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 màu vàng, số thuê bao: *** (điện thoại của Nguyễn Văn H3 đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Pro max đã qua sử dụng (điện thoại của Trần Minh Q); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max đã qua sử dụng (điện thoại của Lê Văn H1); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax (điện thoại của Võ Thị Thanh H2); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro Max đã qua sử dụng (điện thoại của Tô Khánh T);

- Trả cho các bị cáo Võ Ngọc K 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max đã qua sử dụng; Nguyễn Tuấn A 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max đã qua sử dụng, 01 điện thoại Iphone 8 Plus đã qua sử dụng;

(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 243BB2/26 ngày 14/01/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Về biện pháp tư pháp: Buộc Nguyễn Văn H3 nộp số tiền 18.050.000 đồng và sung quỹ Nhà nước.

5. Về án phí:

Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng có mặt tại

phiên tòa vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Công an TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Kv2 – TP.HCM;
- Phòng PV06, PC10 - Công an TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Vương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Vương